

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
TRƯỜNG KINH TẾ
KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH**



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI

Cần Thơ, tháng 8 năm 2024

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 2606/QĐ-ĐHCT ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình đào tạo ngành Kinh doanh thương mại được mô tả như sau:

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Kinh doanh thương mại
Tên chương trình (tiếng Anh)	Commercial Business
Mã số ngành đào tạo	7340121
Trường cấp bằng	Trường Đại học Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Cử nhân Kinh doanh thương mại
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	141 tín chỉ
Hình thức đào tạo	Chính quy, Vừa làm vừa học, Đào tạo từ xa
Thời gian đào tạo	4 năm
Đối tượng tuyển sinh	- Người có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương; - Người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng liên thông lên trình độ đại học hình thức chính quy (người tốt nghiệp cao đẳng nghề không thuộc đối tượng này). - Người đã tốt nghiệp trình độ đại học, học liên thông để nhận thêm một bằng tốt nghiệp đại học hình thức chính quy.
Thang điểm đánh giá	Thang điểm 4
Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ các học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4); đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (kể cả chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và công nghệ thông tin). - Hoàn thành các học phần điều kiện. Ngoài ra, điểm trung bình chung các học phần Giáo dục quốc phòng và An ninh phải đạt từ 5,0 trở lên (theo thang điểm 10); - Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

Vị trí việc làm	- Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng làm việc ở các cấp bậc khác nhau từ nhân viên, chuyên viên đến cán bộ quản lý tại các phòng chức năng trong các công ty/doanh nghiệp sản xuất kinh doanh; các công ty dịch vụ - thương mại nội địa, quốc tế và thương mại trực tuyến; công ty xuất nhập khẩu, văn phòng công ty đa quốc gia, các công ty dịch vụ quảng cáo, tổ chức sự kiện...; - Chuyên viên các cơ quan xúc tiến thương mại, các văn phòng đại diện thương mại, tham tán thương mại; - Tự tạo lập doanh nghiệp hoặc tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân và làm chủ khởi nghiệp sáng tạo; - Nghiên cứu viên tại các viện, trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo hoặc cơ quan hoạch định chính sách thương mại.
Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	Có khả năng tự học tập, nghiên cứu khoa học độc lập, tiếp tục học tập nâng cao trình độ sau đại học ngành Kinh doanh thương mại và các ngành kinh tế khác tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.
Tham khảo khi xây dựng chương trình đào tạo	- Chương trình đào tạo ngành Kinh doanh thương mại, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. - Chương trình đào tạo ngành Kinh doanh thương mại, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. - Chương trình đào tạo ngành Kinh doanh thương mại, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng. - Các tài liệu hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra theo đề cương CDIO.
Thông tin về đánh giá, kiểm định chương trình đào tạo	- Trường Đại học Cần Thơ đã được chứng nhận đạt chất lượng cơ sở giáo dục giai đoạn 2013 – 2028 (chu kỳ 2).
Thời gian cập nhật bản mô tả	Tháng 8 năm 2024

2. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Kinh doanh thương mại trình độ đại học đào tạo những cử nhân có kiến thức hiện đại về thương mại trong nước và thương mại quốc tế, có khả năng chuyển tải kiến thức chuyên môn thành những kỹ năng nghề nghiệp trong thực tiễn cuộc sống, có khả năng vận dụng những kỹ năng thương mại, có năng lực nghiên cứu khoa học và có sức khỏe đáp ứng được những yêu cầu hoàn thiện bản thân của người học, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và yêu cầu của hội nhập thương mại quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo là:

a. Trang bị cho người học trình độ lý luận chính trị, có kiến thức quốc phòng an ninh, kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và pháp luật để vận dụng vào thực tiễn;

b. Trang bị cho người học khả năng vận dụng được các lý thuyết kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, các công cụ thống kê, kiến thức về marketing, kế toán và tài chính để phân tích môi trường kinh doanh, hoạch định, tổ chức và thực thi chiến lược kinh doanh cho các doanh nghiệp/công ty với tư duy chiến lược và sáng tạo;

c. Trang bị cho người học kiến thức chuyên ngành về kinh doanh thương mại để giải quyết các vấn đề trong hoạt động thương mại với tư duy chiến lược và sáng tạo, giúp doanh nghiệp đạt được những giao dịch thương mại thành công;

d. Trang bị cho người học khả năng vận dụng năng lực ngoại ngữ trong giao tiếp kinh doanh và có năng lực công nghệ thông tin để vận dụng trong quản trị kinh doanh;

đ. Trang bị cho người học những kỹ năng thương lượng trong kinh doanh, kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề, có kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống kinh doanh và thiết lập được những quan hệ thành công trong lĩnh vực thương mại; có kỹ năng làm việc chuyên nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm và hình thành kỹ năng tự học, tự nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên ngành, và có khả năng thích ứng cao với môi trường kinh doanh liên tục thay đổi;

e. Trang bị cho người học tác phong chuyên nghiệp, kỹ năng học tập suốt đời, kỹ năng nghiên cứu khoa học; kỹ năng thích ứng và làm việc trong môi trường kinh doanh đa văn hóa và bối cảnh toàn cầu hóa; có sức khỏe, đạo đức, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và trách nhiệm công dân để hoàn thiện bản thân, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và yêu cầu của hội nhập thương mại quốc tế.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Hoàn thành chương trình đào tạo người học đạt được kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

3.1. Kiến thức

3.1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

a. Trình bày được các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và pháp luật;

b. Trình bày và vận dụng được các lý thuyết cơ bản về giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh.

3.1.2. Khối kiến thức cơ sở ngành

a. Vận dụng các lý thuyết kinh tế vi mô và vĩ mô phù hợp trong việc giải thích những hiện tượng kinh tế; ứng dụng các công cụ thống kê, phân tích định tính và định lượng hiệu quả trong hoạt động thương mại doanh nghiệp; ứng dụng các công cụ kế toán, tài chính và marketing hợp lý để đưa ra các quyết định thương mại.

3.1.3. Khối kiến thức chuyên ngành

a. Vận dụng kiến thức về quản trị bán hàng, quản trị mua hàng và lưu kho, quản trị quan hệ khách hàng, thương mại điện tử, marketing thương mại và dịch vụ, marketing quốc tế hiệu quả để phân tích môi trường kinh doanh, hoạch định, tổ chức, thực thi chiến lược kinh doanh thương mại cho các doanh nghiệp/công ty, hình thành các ý tưởng giao dịch thương mại sáng tạo, xây dựng các dự án khởi nghiệp kinh doanh và thực hiện các nghiên cứu trong lĩnh vực thương mại và quản trị kinh doanh;

b. Ứng dụng các kiến thức về pháp luật kinh tế, đạo đức kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp hiệu quả để xây dựng và phát triển công ty/doanh nghiệp trong môi trường toàn cầu hóa.

3.2. Kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng cứng

a. Phát triển kỹ năng nhận dạng, phát hiện vấn đề và đề xuất giải pháp trong hoạt động thương mại của doanh nghiệp; phát triển kỹ năng tư duy hệ thống và sáng tạo các phương pháp giải quyết vấn đề mới cho chính mình và doanh nghiệp;

b. Hình thành kỹ năng đánh giá các phương án, dự án và chính sách kinh doanh thương mại; phát triển kỹ năng soạn thảo và đàm phán hợp đồng thương mại trong môi trường thương mại toàn cầu;

c. Phát triển kỹ năng sáng tạo ý tưởng, lập kế hoạch tổ chức, triển khai và giám sát các hoạt động thương mại của doanh nghiệp.

3.2.2. Kỹ năng mềm

a. Sử dụng được một ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B1 theo khung tham chiếu ngôn ngữ chung Châu Âu), kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản trong nâng cao hiệu quả và chất lượng trong kinh doanh thương mại.

b. Hình thành kỹ năng lập kế hoạch, phản biện và giải quyết hiệu quả vấn đề phức tạp trong quá trình học tập và nghiên cứu; phát triển kỹ năng xây dựng, lãnh đạo, tổ chức hoạt động và phát triển nhóm làm việc hiệu quả; phát triển kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình hiệu quả các vấn đề hay ý tưởng trước cộng đồng và thu hút trong giao tiếp; kỹ năng lập luận vấn đề logic, có hệ thống, hiểu vấn đề ở phạm vi toàn cục, biết sự tương tác giữa các vấn đề và sắp xếp được các vấn đề theo thứ tự ưu tiên cần giải quyết/xử lý;

c. Hình thành kỹ năng nghiên cứu, đề xuất sáng kiến và sẵn sàng chấp nhận rủi ro, kỹ năng tự học, học suốt đời và làm việc độc lập, biết cách quản lý thời gian và có kế hoạch phát triển nghề nghiệp của mình.

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

a. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định;

b. Tuân thủ đạo đức, có ý thức kỷ luật và tác phong làm việc chuyên nghiệp; có tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm;

c. Nhận thức vai trò và trách nhiệm của nhà quản trị trước cộng đồng, nhận thức lợi ích trong kinh doanh mang lại cho xã hội; có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; có khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp/tổ chức.

4. Tiêu chí tuyển sinh

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Cần Thơ.

5. Ma trận mối quan hệ mục tiêu, chuẩn đầu ra và học phần

5.1. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo cụ thể (2)	Chuẩn đầu ra (3)													
	Kiến thức (3.1)					Kỹ năng (3.2)						Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân (3.3)		
	Giáo dục đại cương (3.1.1)		Cơ sở ngành (3.1.2)	Chuyên ngành (3.1.3)		Kỹ năng cứng (3.2.1)			Kỹ năng mềm (3.2.2)					
	a	b	a	a	b	a	b	c	a	b	c	a	b	c
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14
2.2a	X	X												
2.2b			X											
2.2c				X	X									
2.2d						X	X	X						
2.2đ									X	X	X			
2.2.e												X	X	X

5.2. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Học phần			Chuẩn đầu ra (3)													
			Kiến thức (3.1)					Kỹ năng (3.2)						Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân (3.3)		
			Giáo dục đại cương (3.1.1)		Cơ sở ngành (3.1.2)	Chuyên ngành (3.1.3)		Kỹ năng cứng (3.2.1)			Kỹ năng mềm (3.2.2)					
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	a	a	b	a	b	c	a	b	c	a	b	c
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14
		Khối kiến thức giáo dục đại cương														
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	1	1											2	2
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	1	1											2	2
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2											2	2
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	3	3											2	
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1	3										1	1	1
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	1	1							3				1	1
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	2	2							3				1	1
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3	3							3				1	1
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	1	1							3				1	1
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	2	2							3				1	1
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3	3							3				1	1
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	1	1							3				1	1
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	2	2							3				1	1
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3	3							3				1	1

Học phần			Chuẩn đầu ra (3)													
			Kiến thức (3.1)					Kỹ năng (3.2)						Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân (3.3)		
			Giáo dục đại cương (3.1.1)		Cơ sở ngành (3.1.2)	Chuyên ngành (3.1.3)		Kỹ năng cứng (3.2.1)			Kỹ năng mềm (3.2.2)					
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	a	a	b	a	b	c	a	b	c	a	b	c
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	1	1							3				1	1
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	2	2							3				1	1
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3	3							3				1	1
18	TN033	Tin học căn bản (*)	2	2							3				1	1
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	3	3							3				2	2
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	1	1								1			2	2
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2								2			2	2
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2								2			2	2
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3								3			2	2
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	3								3			2	2
25	KL001E	Pháp luật đại cương	2	1								1			2	
26	TN010	Xác suất thống kê	1	1								1			1	
27	KT105	Toán kinh tế 1	2	2								1			1	
28	KT022	Kỹ năng giao tiếp	1	1								1			1	
29	XH028	Xã hội học đại cương	1	1								1			1	
30	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	1	1								1			1	
31	KN002E	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	2								2		3	2	2
		Khối kiến thức cơ sở ngành												1		
32	KT101	Kinh tế vi mô 1			3			1	1	1				1		
33	KT102	Kinh tế vĩ mô 1			3			1	1	1				1		
34	KT108	Nguyên lý thống kê kinh tế			2			1	1	1				1	2	
35	KT479	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh			3			2	2	2		2	2	1	2	
36	KT142	Luật Thương mại			2			1		1		1		1	2	
37	KT103	Quản trị học			1			2	2			1		1	2	
38	KT104	Marketing căn bản			1			1	1					1		
39	KT106	Nguyên lý kế toán			1			1	1							
40	KT111	Tài chính - Tiền tệ			1			1		1						
41	KT119	Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề			2			3	3	3		3	2	1	1	1
42	KT113	Kinh tế lượng			2				1							
43	KT480E	Phân tích định tính trong kinh doanh			2				3							
44	KT125	Lý thuyết và chính sách thương mại			2			2	3	2		2	1	1	1	1
45	KT339	Kế toán quản trị 1			1				1							
46	KT431E	Hành vi tổ chức			1				1							

Học phần			Chuẩn đầu ra (3)													
			Kiến thức (3.1)					Kỹ năng (3.2)						Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân (3.3)		
			Giáo dục đại cương (3.1.1)		Cơ sở ngành (3.1.2)	Chuyên ngành (3.1.3)		Kỹ năng cứng (3.2.1)			Kỹ năng mềm (3.2.2)					
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	a	a	b	a	b	c	a	b	c	a	b	c
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14
47	KT123E	Quản trị sự thay đổi			1				1			1	1	1	1	1
		Khối kiến thức chuyên ngành														
48	KT205	Quy hoạch tuyến tính				1	2	1	1	1			1	1	1	
49	KT206E	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp				2	1	1	1	1	3	1	2	2	1	1
50	KT308	Quản trị tài chính				1	2	1	1	1		1	1		1	1
51	KT425	Anh văn thương mại 1				1	1	1	1	1						
52	KT217	Marketing thương mại				2	1	2	2	2			1	2	1	1
53	KT349	Quản trị bán hàng				2	1	3	3	3			1	3	1	1
54	KT428	Kỹ thuật đàm phán				2	1	3	3	3				3	1	1
55	KT337	Thương mại điện tử				1	1	3	3	3				2	1	1
56	KT229	Kiến tập ngành Kinh doanh thương mại				3	1	3	3	3				3	1	1
57	KT285	Seminar Kinh doanh thương mại				3	2	3	3	3		1	2			
58	KT429E	Hành vi khách hàng				2	3	3	3	3			2			
59	KT358E	Quản trị quan hệ khách hàng				3	2	2	3	3			1	2	1	1
60	KT362	Quản trị thương mại				3	2	3	3	3		1		2	1	1
61	KT482	Quản trị mua hàng và lưu kho				3	2	3	3	3		2		1		
62	KT230	Quản trị chuỗi cung ứng				3	2	3	3	3		2	2		2	2
63	KT207	Mô phỏng tình huống trong kinh doanh				3	2	3	3	3			1	1		
64	KT329E	Thị trường chứng khoán				1	2	1	1	1			1			
65	KT330	Thuế				1	2		1	1		1				
66	KT316	Kinh doanh quốc tế				1	3	3	3	3		1		1	1	1
67	KT345	Quản trị chất lượng sản phẩm				2	2	3	3	3		2				
68	KT346	Quản trị chiến lược				1	1		1	1		1				
69	KT200E	Digital Marketing				1	1	1	1	1						
70	KT220	Quan hệ công chúng				2	2	3	3	3		2	1	1		
71	KT204	Quản trị nguồn nhân lực				3	2	3	3	3		2	1			
72	KT254	Khởi sự doanh nghiệp				2	2		2	2		2				
73	KT222	Phân tích báo cáo tài chính				3	2	2	2	2				1	1	1
74	KT400	Luận văn tốt nghiệp - KDTM				3	2	3	3	3		3	2		3	3
75	KT295E	Tiểu luận tốt nghiệp - KDTM				3	2	3	3	3		3	2		3	3
76	KT420E	Dự báo kinh tế				2	2	1	2	2						
77	KT361	Quản trị thương hiệu				3	2	2	2	2		1			1	1
78	KT287E	Quản trị liên văn hóa				2	3	2	2	2		1		1		
79	KT486	Lập kế hoạch kinh doanh				2	2	2	2	2		1		1		

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Căn cứ Quyết định số 2606/QĐ-ĐHCT ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình dạy học ngành Kinh doanh thương mại được mô tả như sau:

1. Cấu trúc chương trình dạy học

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 141 tín chỉ (Bắt buộc: 99 tín chỉ; Tự chọn: 42 tín chỉ)

Khối kiến thức giáo dục đại cương: 47 tín chỉ (Bắt buộc: 32 tín chỉ; Tự chọn: 15 tín chỉ)

Khối kiến thức cơ sở ngành: 36 tín chỉ (Bắt buộc: 29 tín chỉ; Tự chọn: 7 tín chỉ)

Khối kiến thức chuyên ngành: 58 tín chỉ (Bắt buộc: 38 tín chỉ; Tự chọn: 20 tín chỉ)

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HP song hành	HK thực hiện
Khối kiến thức Giáo dục đại cương										
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bố trí theo nhóm ngành		
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8	Bố trí theo nhóm ngành		
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		24	21	Bố trí theo nhóm ngành		
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56	Bố trí theo nhóm ngành		
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90			
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	AV	10 AV hoặc PV	60				
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45			XH023	
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45			XH024	
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60			XH025	
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45			XH031	
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45			XH032	
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4	PV		60				
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45			FL001	
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45			FL002	
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4			60			FL003	
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45			FL007	
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3			45			FL008	
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15				
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		TN033	
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		
25	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30				
26	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45				
27	KT105	Toán kinh tế 1	3	3		45				
28	KT022	Kỹ năng giao tiếp	2	2		30				
29	XH028	Xã hội học đại cương	2		2	30				
30	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30				
31	KN002E	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			
Cộng: 47 TC (Bắt buộc 32 TC; Tự chọn: 15 TC)										
Khối kiến thức cơ sở ngành										
32	KT101	Kinh tế vi mô 1	3	3		45				
33	KT102	Kinh tế vĩ mô 1	3	3		45		KT101		
34	KT108	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	3		45		TN010		
35	KT479	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3	3		30	30	KT108		
36	KT142	Luật Thương mại	3	3		45		KL001E		
37	KT103	Quản trị học	3	3		45				

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HP song hành	HK thực hiện
38	KT104	Marketing căn bản	3	3		45				
39	KT106	Nguyên lý kế toán	3	3		45				
40	KT111	Tài chính - Tiền tệ	3	3		45				
41	KT119	Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề	2	2		30				
42	KT113	Kinh tế lượng	3		7	45		KT108		
43	KT480E	Phân tích định tính trong kinh doanh	2			30				
44	KT125	Lý thuyết và chính sách thương mại	3			45				
45	KT339	Kế toán quản trị 1	3			45		KT106		
46	KT431E	Hành vi tổ chức	2			30		KT103		
47	KT123E	Quản trị sự thay đổi	2			30				
Cộng: 36 TC (Bắt buộc: 29 TC; Tự chọn: 7 TC)										
Khối kiến thức chuyên ngành										
48	KT205	Quy hoạch tuyến tính	3	3		45		KT105		
49	KT206E	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2	2		30				
50	KT308	Quản trị tài chính	3	3		45				
51	KT425	Anh văn thương mại 1	3	3		45				
52	KT217	Marketing thương mại	3	3		45				
53	KT349	Quản trị bán hàng	2	2		30				
54	KT428	Kỹ thuật đàm phán	2	2		25	10			
55	KT337	Thương mại điện tử	2	2		30				
56	KT229	Kiến tập ngành Kinh doanh thương mại	2	2			60	≥ 80TC		III
57	KT285	Seminar Kinh doanh thương mại	2	2		10	40	≥ 80TC		
58	KT429E	Hành vi khách hàng	2	2		30				
59	KT358E	Quản trị quan hệ khách hàng	2	2		30				
60	KT362	Quản trị thương mại	3	3		45				
61	KT482	Quản trị mua hàng và lưu kho	2	2		30				
62	KT230	Quản trị chuỗi cung ứng	2	2		30				
63	KT207	Mô phỏng tình huống trong kinh doanh	3	3		45		≥ 105TC		
64	KT329E	Thị trường chứng khoán	3		10	45				
65	KT330	Thuế	3			45				
66	KT316	Kinh doanh quốc tế	3			45				
67	KT345	Quản trị chất lượng sản phẩm	2			30				
68	KT346	Quản trị chiến lược	3			45				
69	KT200E	Digital Marketing	2			30				
70	KT220	Quan hệ công chúng	2			30				
71	KT204	Quản trị nguồn nhân lực	3			45				
72	KT254	Khởi sự doanh nghiệp	3			45				
73	KT222	Phân tích báo cáo tài chính	2			30				
74	KT400	Luận văn tốt nghiệp - KDTM	10		10		300	≥120TC		
75	KT295E	Tiểu luận tốt nghiệp - KDTM	4				120	≥120TC		
76	KT420E	Dự báo kinh tế	3			45		≥120TC		
77	KT361	Quản trị thương hiệu	3			45		≥120TC		
78	KT287E	Quản trị liên văn hóa	2			30		≥120TC		
79	KT486	Lập kế hoạch kinh doanh	2			30		≥120TC		
Cộng: 58 TC (Bắt buộc: 38 TC; Tự chọn: 20 TC)										
Tổng cộng: 141 TC (Bắt buộc: 99 TC; Tự chọn: 42 TC)										

3. Kế hoạch dạy học

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	Ghi chú
Học kỳ 1										
1	KT101	Kinh tế vi mô 1	3	3		45				SV học theo thời khóa biểu của Trường
2	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45				
3	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				
4	KT022	Kỹ năng giao tiếp	2	2		30				
5	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30				
Cộng			13	13		195				
Học kỳ 2										
1	QP010E	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8			
	QP011E	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8			
	QP012	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16			
	QP013	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56			
2	KT105	Toán kinh tế 1	3	3		45		TN010		
3	TC100	Giáo dục thể chất 1 (*)	1		1		30			
Cộng			12	11	1	122	118			
Học kỳ 3										
1	KT106	Nguyên lý kế toán	3	3		45				
2	KT102	Kinh tế vi mô 1	3	3		45		KT101		
3	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		
4	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		4	60				SV tự chọn
	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)								
Cộng			12	8	4	180				
Học kỳ 4										
1	TN034	TT. Tin học căn bản	2	2			60		TN033	
2	TN033	Tin học căn bản	1	1		15				
3	KT103	Quản trị học	3	3		45				
4	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		
5	TC100	Giáo dục thể chất 2 (*)	1		1		30			SV tự chọn
6	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3		3	45		XH023		SV tự chọn
	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)								
Cộng			12	8	4	135	90			
Học kỳ 5										
1	KT104	Marketing căn bản	3	3		45				
2	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		
3	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2		2	30				
4	KT345	Quản trị chất lượng sản phẩm	2		2	30				
5	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3		3	45		XH024		SV tự chọn
	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)								
Cộng			12	5	7	180				
Học kỳ 6										
1	KT108	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	3		45		TN010		
2	KT204	Quản trị nguồn nhân lực	3		3	45				
3	KT142	Luật thương mại	3	3		45		KL001E		
4	KT395	Marketing thương mại	3	3		45				
Cộng			12	9	3	180				
Học kỳ 7										
1	KT337	Thương mại điện tử	2	2		30				
2	TC100	Giáo dục thể chất 3 (*)	1		1		30			
3	KT200E	Digital Marketing	2		2	30				
4	KT428	Kỹ thuật đàm phán	2	2		25	10			
5	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30				
6	KT111	Tài chính - Tiền tệ	3	3		45				
Cộng			12	9	3	160	40			

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	Ghi chú
Học kỳ 8										
1	KT205	Quy hoạch tuyến tính	3	3		45		KT105		
2	KT431E	Hành vi tổ chức	2		2	30		KT103		
3	KT479	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3	3		30	30	KT108		
4	KT349	Quản trị bán hàng	2	2		30				
5	KT206E	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2	2		30				
Cộng			12	10	2	165	30			
Học kỳ 9										
1	KT129	Kiến tập ngành Kinh doanh thương mại	2	2			60	≥80TC		
2	KT125	Lý thuyết và chính sách thương mại	3		3	45				
3	KT425	Anh văn thương mại 1	3	3		45				
4	KT230	Quản trị chuỗi cung ứng	2	2		30				
5	KT482	Quản trị mua hàng và lưu kho	2	2		30				
Cộng			12	9	3	150	60			
Học kỳ 10										
1	KT285	Seminar Kinh doanh thương mại	2	2		10	40	≥80TC		
	KT308	Quản trị tài chính	3	3		45				
2	KT480E	Phân tích định tính trong kinh doanh	2		2	45				
3	KT119	Phương pháp tư duy và kỹ thuật giải quyết vấn đề	2	2		30				
4	KT207	Mô phỏng tình huống trong kinh doanh	3	3		45		≥105TC		
Cộng			12	10	2	175	40			
Học kỳ 11										
1	KT329E	Thị trường chứng khoán	3		3	45				
2	KT358E	Quản trị quan hệ khách hàng	2	2		30				
3	KT429E	Hành vi khách hàng	2	2		30				
4	KT362	Quản trị thương mại	3	3		45				
Cộng			10	7	3	150				
Học kỳ 12										
1	KT400	Luận văn tốt nghiệp - KDTM	10		10	300		≥120TC		
Cộng			10		10	300				
TỔNG CỘNG			141	99	42	2.092	378			

4. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	Đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Dành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ. Xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia và đảm bảo trật tự an toàn xã hội.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	Được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, nề nếp chính qui, kỹ năng cơ bản thực hành các động tác Điều lệnh đội ngũ và các kỹ năng quân sự cần thiết, hiểu biết kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao, rèn luyện sức khỏe qua các nội dung quân sự	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kỹ năng cơ bản thực hành kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK, rèn luyện kỹ năng sử dụng lựu đạn trong chiến đấu, kỹ năng thực hành chiến đấu trong tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	3	Học phần Giáo dục Thể chất không chuyên 1+2+3 là học phần chung tương trưng cho các học phần Giáo dục Thể chất sinh viên không chuyên ngành Giáo dục Thể chất phải học để hoàn thành chương trình đào tạo của ngành mình. Để hoàn thành học phần Giáo dục thể chất sinh viên không đăng kí học phần TC100 mà thay vào đó sinh viên phải đăng kí vào từng học phần cụ thể tùy theo khả năng và nhu cầu muốn học như: Học phần Taekwondo thì sinh viên đăng kí 03 học phần: Taekwondo 1(TC003), Taekwondo 2(TC004), Taekwondo 3,(TC019), các học phần Giáo dục Thể chất khác cũng tương tự...	Khoa Giáo dục Thể chất
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	Chương trình môn Anh văn căn bản 1 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về những thông tin cá nhân, gia đình, nơi ở, những vật dụng trong đời sống hàng ngày, các môn thể thao, các hoạt động trong thời gian rảnh và mua sắm cơ bản. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3	Chương trình môn Anh văn căn bản 2 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về miền quê, thành phố các em yêu thích, ẩm thực, tổ chức sự kiện, thời trang, tiền tệ. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3	Chương trình môn Anh văn căn bản 3 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về các thể loại phim ảnh, khoa học công nghệ, du lịch và môi trường tự nhiên. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4	Học phần Anh văn tăng cường 1 (trong chương trình Anh văn tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	Khoa Ngoại ngữ
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3	Học phần Anh văn tăng cường 2 (trong chương trình Anh văn tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	Khoa Ngoại ngữ
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3	Học phần Tiếng Anh tăng cường 3 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning);	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ B1 (bậc 3) trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).	
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4	Học phần <i>Pháp văn căn bản 1</i> sẽ hướng người học đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như giới thiệu bản thân, gia đình, giới thiệu một người nào đó, nói về thói quen, sở thích, mua sắm, chỉ đường... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hóa Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học. Qua học phần này, người học sẽ được làm quen với cách phát âm, ngữ điệu, bản mẫu tự của tiếng Pháp, biết cách chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thời hiện tại, viết một số câu đơn giản... Nội dung của học phần <i>Pháp văn căn bản 1</i> sẽ được chia thành ba phần: phần 1 nói về những kiến thức liên quan đến giới thiệu bản thân, giới thiệu một nhân vật, nói về sở thích, phần 2 đề cập đến các kỹ năng tả người, mua sắm và phần 3 bàn về nội dung chỉ đường và cho lời khuyên. Những nội dung trong học phần này sẽ giúp người học phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 1 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3	Học phần <i>Pháp văn căn bản 2</i> sẽ hướng người học đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như hỏi thông tin, hỏi giờ, giải thích một vấn đề, nhận hay từ chối lời mời, nói về ngày làm việc của mình và nói về kế hoạch tương lai... Ngoài ra, người học cũng được làm quen với cách hỏi, đặt câu hỏi với các đại từ bỏ ngữ của tiếng Pháp, biết chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thức mệnh lệnh, biết chỉ đường, định vị trong không gian... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học. Nội dung của học phần <i>Pháp văn căn bản 2</i> sẽ được chia thành ba phần: phần 1 nói về những kiến thức liên quan đến hỏi giờ, thói quen hằng ngày và các môn thể thao yêu thích, phần 2 đề cập đến các kỹ năng miêu tả sự kiện trong quá khứ và phần 3 bàn về nội dung chấp nhận và từ chối lời mời. Những nội dung trong học phần này sẽ giúp người học phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 2 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3	Học phần <i>Pháp văn căn bản 3</i> sẽ hướng người học đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như nói về các ngày lễ, tết, ẩm thực, miêu tả người, đồ vật, quần áo, diễn đạt sự lựa chọn, số lượng, giới thiệu các thành viên trong gia đình, kể lại một câu chuyện quá khứ. Ngoài ra, người học cũng nắm được các chủ điểm ngữ pháp như đại từ nhân xưng, thì quá khứ, thì tương lai đơn, thức mệnh lệnh với đại từ và các hình thức phủ định trong tiếng Pháp... Các kiến thức về văn hoá Pháp về sở thích, thói quen người Pháp... cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học. Nội dung của học phần <i>Pháp văn căn bản 3</i> sẽ được chia thành ba phần: phần 1 nói về những kiến thức liên quan đến sở thích và cho lời khuyên, phần 2 đề cập đến kỹ năng miêu tả sự kiện trong quá khứ và phần 3 nói về sự	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Những nội dung trong học phần này sẽ giúp người học phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4	Học phần <i>Pháp văn tăng cường 1</i> sẽ hướng người học đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày liên quan đến các chủ đề như miêu tả người, nhà ở, giải trí, công việc... của người Pháp và các quốc gia nói tiếng Pháp trong cộng đồng Pháp ngữ trên thế giới. Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hóa Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học. Qua học phần này, người học sẽ nắm được những kiến thức về thì quá khứ gần, đại từ quan hệ, đại từ sở hữu, hòa hợp tính từ, các phép so sánh cũng như cách phát các âm [i], [e], [o]... Nội dung của học phần <i>Pháp văn tăng cường 1</i> sẽ được chia thành ba phần: phần 1 nói về những kiến thức liên quan đến gia đình và xã hội, phần 2 đề cập đến giới trẻ, thời trang và phần 3 bàn về nội dung cuộc sống và nhà ở. Những nội dung trong học phần này sẽ giúp người học phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 4 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3	Học phần <i>Pháp văn tăng cường 2</i> sẽ hướng người học đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày liên quan đến các chủ đề về sức khỏe, công việc, các hoạt động thời gian rảnh của người Pháp và các quốc gia nói tiếng Pháp. Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hóa Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học. Qua học phần này, người học sẽ nắm được những kiến thức về thì quá khứ, thì tương lai, hình thức phủ định và nội dung ngữ âm liên quan đến các âm [r], [l], [j]... Nội dung của học phần <i>Pháp văn tăng cường 2</i> sẽ được chia thành ba phần: phần 1 nói về thức ăn và thói quen ăn uống của người Pháp, phần 2 đề cập đến việc làm và những kỷ niệm thời học sinh và phần 3 bàn về nội dung Internet và lễ hội ở Pháp. Những nội dung trong học phần này sẽ giúp người học phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 4 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	Khoa Ngoại ngữ
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3	Học phần <i>Pháp văn tăng cường 3</i> sẽ hướng người học đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày liên quan đến các chủ đề về phương tiện truyền thông, giao tiếp trên mạng xã hội, du lịch khám phá, về những kỉ niệm qua khứ... của người Pháp và các quốc gia nói tiếng Pháp. Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hóa Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học. Qua học phần này, người học sẽ nắm được những kiến thức về thì quá khứ, thì tương lai, đại từ bỏ ngữ trực tiếp và gián tiếp, cách diễn đạt thời gian, subjonctif và nội dung ngữ âm liên quan đến các âm [r], [l], [e]... Nội dung của học phần <i>Pháp văn tăng cường 3</i> sẽ được chia thành ba phần: phần 1 nói về truyền hình và báo chí tại Pháp, phần 2 đề cập đến những kỷ niệm trong các chuyến đi du lịch và phần 3 bàn về giá trị của hạnh phúc và những điều quan tâm trong cuộc sống. Những nội dung trong học phần này sẽ giúp người học phát	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 4 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	Môn học này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết lý thuyết cơ bản về công nghệ thông tin: khái niệm về thông tin, cấu trúc tổng quát của máy tính, hệ điều hành Windows, các lệnh và thao tác để soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail.	Khoa Khoa học Tự nhiên
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	Bằng cách thông qua thực hành trên máy tính, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail. Trong phần thực hành cũng lồng ghép các kỹ năng viết báo cáo khoa học, kỹ năng soạn các bản trình bày trên các máy chiếu đa phương tiện.	Khoa Khoa học Tự nhiên
20	ML014	Triết học Mác – Lênin	3	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về triết học Mác – Lênin bao gồm: Triết học vào vai trò của triết học trong đời sống xã hội, Triết học Mác – Lênin và vai trò của Triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức; Chủ nghĩa duy vật lịch sử: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.	Khoa Khoa học Chính trị
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh tế chính trị Mác - Lênin bao gồm; Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể khi tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt nam.	Khoa Khoa học Chính trị
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Trong học phần này sinh viên sẽ nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về chủ nghĩa xã hội và thực tiễn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Nội dung chủ yếu của học phần tập trung vào một số vấn đề như: sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; liên minh giai cấp, tầng lớp; vấn đề dân tộc, tôn giáo; vấn đề về gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	Khoa Khoa học Chính trị
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930); quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng	Khoa Khoa học Chính trị

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Cùng với môn học Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta, tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới. Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học, cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh.	Khoa Khoa học Chính trị
25	KL001E	Pháp luật đại cương	2	Học phần này được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên ngành Luật. Học phần giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước và pháp luật từ nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng cũng như các kiểu nhà nước và pháp luật đã hình thành, tồn tại và phát triển qua các hình thái kinh tế xã hội khác nhau trong lịch sử nhân loại. Thêm vào đó, học phần cũng bao gồm việc nghiên cứu vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị, cấu thành bộ máy nhà nước, các hệ thống cơ quan nhà nước. Khối lượng lớn kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật thông dụng của Việt Nam cũng được giới thiệu như quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tội phạm, vi phạm pháp luật hành chính, quy định của pháp luật về kết hôn, ly hôn, thừa kế...	Khoa luật
26	TN010	Xác suất thống kê	3	Học phần gồm những nội dung liên quan đến: 1) Xác suất và công thức tính xác suất: Định nghĩa xác suất và những công thức cơ bản của xác suất. Hiểu được xác suất là gì và vận dụng trong thực tế như thế nào. Giúp người học phân tích vấn đề và tính được khả năng xảy ra của từng trường hợp trong vấn đề; 2) Biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất. tính được các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên như trung bình, phương sai, độ lệch chuẩn, mode...; 3) Thống kê và dữ liệu. Chương này chính là phần thống kê mô tả; 4) Ước lượng tham số. Phương pháp dùng để ước lượng hay dự đoán các tham số của biến ngẫu nhiên như ước lượng trung bình, ước lượng tỉ lệ, ước lượng phương sai bằng hai bài toán ước lượng điểm và ước lượng khoảng; 5) Kiểm định giả thiết thống kê. Đưa ra phương pháp để kiểm định các bài toán trong thực tế như kiểm định về trung bình (so sánh trung bình với một số, so sánh nhiều trung bình,...), kiểm định về tỉ lệ (so sánh tỉ lệ với một số, so sánh nhiều tỉ lệ,...), kiểm định phương sai...	Khoa khoa học tự nhiên
27	KT105	Toán kinh tế 1	3	Học phần này nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích cổ điển. Sinh viên phải có một cách nhìn hệ thống về ma trận, định thức, hệ phương trình	Trường Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				tuyến tính; phép tính vi phân và tích phân đối với hàm một biến và hàm nhiều biến. Đồng thời chỉ rõ các khả năng và lĩnh vực ứng dụng của nội dung học phần, soi sáng các vấn đề có liên quan trọng lĩnh vực đại số tuyến tính, giải tích,... tạo điều kiện cho sinh viên học tốt các học phần có liên quan.	
28	KT022	Kỹ năng giao tiếp	2	Học phần giúp người học nắm vững nguyên tắc, mục đích, chức năng giao tiếp tiếp và ý nghĩa của việc giao tiếp tốt để thực hiện giao tiếp tốt và giao tiếp có văn hóa các kỹ năng cơ bản như: Kỹ năng tạo ấn tượng ban đầu trong giao tiếp, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng từ chối, kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ, phi ngôn ngữ, kỹ năng giao tiếp qua điện thoại và giao tiếp bằng thư tín.	Trường Kinh tế
29	XH028	Xã hội học đại cương	2	Môn học nghiên cứu qui luật, tính qui luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Đối tượng nghiên cứu của Xã hội học là các quan hệ xã hội, tương tác xã hội biểu hiện qua các hành vi giữa người với người trong các nhóm, các tổ chức, các hệ thống xã hội.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
30	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2	Môn học Văn bản – Lưu trữ học nhằm trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về văn bản quản lý và tài liệu lưu trữ, giúp sinh viên nhận thức rõ vai trò của văn bản hành chính và tài liệu lưu trữ đối với công tác quản lý. Bên cạnh đó, môn học này còn giúp người học nắm vững phương pháp soạn thảo và quản lý khoa học các loại văn bản hành chính, biết cách lựa chọn, phân loại văn bản để lưu trữ; biết cách tra tìm, sử dụng tài liệu lưu trữ để có thể làm tốt công tác quản lý ở trường học cũng như ở các cơ quan nói chung.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
31	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	Nội dung của môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về sáng tạo, đổi mới và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, lựa chọn loại hình sở hữu doanh nghiệp, hiểu biết cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ. Thêm vào đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thị trường như đánh giá thế mạnh, cơ hội, đe dọa, rủi ro thương mại hóa sản phẩm từ ý tưởng kinh doanh, phát hiện tiềm năng kinh doanh và lập kế hoạch khởi nghiệp. Quan trọng hơn, sinh viên có cơ hội được chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt và/hoặc tham quan mô hình khởi nghiệp thành công.	Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp sinh viên
32	KT101	Kinh tế vi mô 1	3	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự vận hành của thị trường hàng hóa, dịch vụ; lý thuyết về hành vi của người tiêu dùng và của doanh nghiệp. Học phần còn trình bày hành vi của doanh nghiệp trong các cơ cấu thị trường cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, cạnh tranh độc quyền và độc quyền nhóm. Các kiến thức này nhằm cung cấp nền tảng vững chắc cho các phân tích kinh tế và hình thành tư duy kinh tế trong suốt quá trình học tập và công việc sau này	Trường Kinh tế
33	KT102	Kinh tế vĩ mô 1	3	Học phần kinh tế vĩ mô 1 bao gồm các nội dung liên quan đến các niệm, công thức và cách thức sử dụng các công thức tính toán các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng của nền kinh tế. Hơn thế, học phần còn cung cấp cho sinh viên các phương trình kinh tế, các mô hình kinh tế và cách thức phân tích sự vận động và tương tác của chúng đối nền kinh tế	Trường Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				trong dài hạn. Sau cùng, sinh viên được tiếp cận các mô hình kinh tế cơ bản để phân tích nguyên nhân biến động của nền kinh tế trong ngắn hạn.	
34	KT108	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	Học phần cung cấp những kiến thức thu thập, tổng hợp, trình bày trong thống kê; Các phương pháp thống kê mô tả, phương pháp chỉ số, phương pháp thống kê suy luận và xây dựng mô hình hồi quy. Sinh có khả năng phân tích, đánh giá các hiện tượng kinh tế thông qua kết quả thông qua kết quả thống kê, kết quả xử lý của phần mềm thống kê.	Trường Kinh tế
35	KT479	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3	Học phần Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh được thiết kế nhằm giúp cho sinh viên có hiểu biết về việc thực hiện một nghiên cứu khoa học. Phần đầu của học phần này trình bày những kiến thức tổng quan về nghiên cứu khoa học, cách hình thành vấn đề nghiên cứu và thiết kế nghiên cứu trong quản trị và kinh doanh. Phần tiếp theo sẽ tập trung vào các đo lường trong nghiên cứu, phương pháp chọn mẫu, thu thập dữ liệu và phân tích dữ liệu. Cuối cùng, học phần sẽ giới thiệu về cách xây dựng một đề cương nghiên cứu, cách viết và trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản trị và kinh doanh.	Trường Kinh tế
36	KT142	Luật thương mại	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cụ thể về các hoạt động thương mại như hoạt động mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, khuyến mại, quảng cáo, đấu giá, đấu thầu, logistic, nhượng quyền thương mại... quyền và nghĩa vụ của thương nhân khi thực hiện các hoạt động thương mại này. Đồng thời trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hợp đồng thương mại cũng như các biện pháp chế tài trong hoạt động thương mại để đảm bảo quyền lợi của các bên giao kết hợp đồng. Đây là những kiến thức nền tảng quan trọng để sinh viên có thể vận dụng tư vấn cho các chủ thể kinh doanh khi thực hiện các hoạt động thương mại hoặc khi xảy ra tranh chấp hợp đồng.	Trường Kinh tế
37	KT103	Quản trị học	3	Học phần Quản trị học được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về quản trị. Nội dung của học phần sẽ giới thiệu các khái niệm về quản trị, những chức năng cơ bản của quản trị, những kỹ năng cần thiết của nhà quản trị. Học phần Quản trị học cũng đề cập đến lịch sử ra đời và phát triển của các học thuyết quản trị; Giới thiệu về các yếu tố môi trường hoạt động của một tổ chức. Thêm vào đó, học phần này cũng cung cấp cho người học kiến thức về quá trình thông đạt và quản trị thông tin. Một nội dung nữa của học phần là trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng trong việc làm quyết định quản trị.	Trường Kinh tế
38	KT104	Marketing căn bản	3	Marketing căn bản là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, tầm quan trọng của marketing trong doanh nghiệp, xu hướng của tiếp thị trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing. Nắm được kiến thức môn học sinh viên có thể phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm, phân tích hành vi của khách hàng. Môn học còn giúp cho người học nắm bắt được bốn phối thức quan trọng trong việc phân tích và xây dựng chiến lược marketing hỗn hợp (Marketing Mix): chiến lược sản phẩm (Product), chiến lược định giá	Trường Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				sản phẩm (Price), chiến lược phân phối (Place), chiến lược chiêu thị (Promotion). Trong quá trình học, sinh viên sẽ trao đổi và thảo luận, đồng thời giải quyết vấn đề theo tình huống.	
39	KT106	Nguyên lý kế toán	3	Học phần Nguyên lý kế toán bao gồm các nội dung sau: Những vấn đề cơ bản về kế toán, Tài sản và Nguồn vốn trong doanh nghiệp, Phương pháp tài khoản và ghi sổ kép, Phương pháp tính giá các đối tượng kế toán, Phương pháp kiểm kê, Phương pháp chứng từ, Kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong doanh nghiệp sản xuất, các hình thức kế toán.	Trường Kinh tế
40	KT111	Tài chính - Tiền tệ	3	Nội dung môn Tài chính – Tiền tệ nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về các phạm trù: Tài chính, Tiền tệ, Tín dụng, Ngân sách nhà nước, Tài chính doanh nghiệp, Thị trường tài chính, Hệ thống ngân hàng và Chính sách tiền tệ.	Trường Kinh tế
41	KT119	Phương pháp tư duy & kỹ năng giải quyết vấn đề	2	Môn học Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề là học phần thuộc nhóm kỹ năng mềm. Vì vậy, mục tiêu của môn học nhằm phát triển kỹ năng tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề của người học. Để đạt được mục tiêu, môn học trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về phương pháp tư duy và nguyên tắc giải quyết vấn đề. Bên cạnh, vì là học phần kỹ năng mềm nên quá trình học sẽ hướng người học phải thực hành thường xuyên các kỹ năng tại từng buổi học, thuyết trình sản phẩm sáng tạo, đánh giá và đề xuất gợi ý giải pháp cho các hoạt động tư duy giữa các nhóm với nhau.	Trường Kinh tế
42	KT113	Kinh tế lượng	3	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích hồi quy: Ước lượng, diễn giải, kiểm định và dự báo. Học phần còn trình bày việc xử lý các vấn đề trong phân tích hồi quy đối với các loại số liệu không gian (cross-section data) và chuỗi thời gian (time-series data). Song song với học lý thuyết, sinh viên còn được hướng dẫn xử lý các vấn đề về kinh tế lượng trong máy tính và thực hiện các nghiên cứu khoa học dưới các bài tập nhóm.	Trường Kinh tế
43	KT480E	Phân tích định tính trong kinh doanh	2	Học phần Phân tích định tính trong kinh doanh được thiết kế nhằm giúp cho sinh viên hiểu rõ đặc trưng của từng phương pháp nghiên cứu định tính và tất cả những bước cần thiết cần thực hiện để có một nghiên cứu định tính chất lượng. Nội dung của học phần này bắt đầu với những kiến thức tổng quan về nghiên cứu khoa học và nghiên cứu định tính, các điều kiện cần thiết để áp dụng nghiên cứu định tính và cách thức thiết kế một nghiên cứu định tính khoa học. Phần 2 của học phần cung cấp những kiến thức về các phương pháp thu thập dữ liệu định tính và rèn luyện kỹ năng thu thập dữ liệu để đảm bảo độ tin cậy của dữ liệu được thu thập. Nội dung cuối cùng hướng dẫn cho sinh viên có thể áp dụng đúng các phương pháp phân tích cho vấn đề nghiên cứu và rèn luyện kỹ năng viết báo cáo nghiên cứu rõ ràng, súc tích và tỉ mỉ.	Trường Kinh tế
44	KT125	Lý thuyết và chính sách thương mại	3	Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về thương mại, lý thuyết thương mại, chính sách và công cụ chính sách thương mại, mối quan hệ thương mại giữa Việt Nam và các tổ chức liên kết kinh tế quốc tế.	Trường Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
45	KT339	Kế toán quản trị 1	3	Học phần Kế toán quản trị 1 bao gồm các nội dung sau: giới thiệu tổng quan về kế toán quản trị và vai trò của kế toán quản trị; phân loại chi phí và vận dụng phân loại chi phí theo ứng xử; mô hình phân tích chi phí- khối lượng- lợi nhuận và ứng dụng của mô hình trong việc đưa ra các quyết định quản trị; phân tích các thông tin thích hợp để nhà quản trị đưa ra quyết định trong ngắn hạn và trình bày về tiến trình lập kế hoạch kinh doanh từ kế hoạch bán hàng, kế hoạch sản xuất, kế hoạch chi phí các loại, và kế hoạch tài chính.	Trường Kinh tế
46	KT431E	Hành vi tổ chức	2	Học phần này sẽ cung cấp cho người học những kiến thức chung liên quan đến hành vi tổ chức. Nội dung thứ nhất là cách tiếp cận về khoa học hành vi, trong nội dung này người học sẽ được cung cấp những kiến thức cụ thể liên quan đến cách tiếp cận khoa học hành vi, lịch sử phát triển của khoa học hành vi, phân tích mô hình hành vi trong tổ chức và một số vấn đề cần thay đổi trong con người. Nội dung lớn thứ hai là cơ sở của hành vi cá nhân và hành vi nhóm, trong nội dung này người học sẽ tìm hiểu về những yếu tố ảnh hưởng đến xu hướng hành vi của cá nhân và nhóm trong tổ chức. Ngoài ra, học phần này sẽ nghiên cứu thêm về những hình thức động viên nhân viên trong tổ chức dựa trên các lý thuyết động viên; tìm hiểu về khái niệm lãnh đạo theo tình huống và đặc điểm phong cách của các nhà lãnh đạo và xác định những yếu tố ảnh hưởng đến tính hiệu quả của lãnh đạo.	Trường Kinh tế
47	KT123E	Quản trị sự thay đổi	2	Nội dung học phần này cung cấp và trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thay đổi và phát triển trong tổ chức. Các nội dung chính của học phần gồm tổng quan về thay đổi và phát triển, các bước tiến hành thay đổi, quản trị sự thay đổi để chủ động phát triển, tái lập – con đường thay đổi để phát triển các doanh nghiệp, tạo ra sự liên tục thay đổi để phát triển. Nội dung ở chương 1 sẽ tập trung khái quát về sự thay đổi và phát triển, phân biệt các quan điểm phát triển. Nội dung ở chương 2 sẽ giới thiệu các bước tiến hành thay đổi doanh nghiệp. Nội dung ở chương 3 sẽ tập trung nhận diện các nhân tố tác động đến thay đổi và lập kế hoạch thay đổi. Nội dung chương 4 sẽ giới thiệu các đặc trưng và kỹ năng tái lập doanh nghiệp. Nội dung chương 5 sẽ làm rõ các đặc trưng cơ bản của người lãnh đạo liên tục thay đổi.	Trường Kinh tế
48	KT205	Quy hoạch tuyến tính	3	Học phần hướng dẫn cho người học phương pháp thiết lập mô hình toán học bài toán sản xuất kinh doanh với mục tiêu tối ưu lợi nhuận hoặc tối thiểu chi phí trong điều kiện nguồn lực đưa vào sản xuất kinh doanh bị giới hạn. Hướng dẫn người học giải được mô hình bài toán và phân tích được tác động của sự biến động nguồn lực và giá cả thị trường vào bài toán thực tiễn sản xuất. Học phần cung cấp kiến thức toán học trong quản trị sản xuất như giải quyết bài toán vận tải, giải quyết bài toán bố trí cây trồng, bố trí phân công lao động nhằm đạt chi phí thấp nhất hoặc năng suất tối ưu. Ngoài ra, học phần còn giúp người học kiến thức toán học trong xây dựng, tổ chức, quản lý, kiểm soát dự án một cách tối ưu như	Trường Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				tính toán thời gian dự án và quản lý tối ưu thời gian, tính toán chi phí dự án và tối thiểu chi phí.	
49	KT206E	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2	Các nội dung chính được giảng dạy trong học phần này gồm các kiến thức liên quan đến đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội cũng như là văn hoá doanh nghiệp và các yếu tố tác động đến văn hoá doanh nghiệp. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được giới thiệu cách thức xây dựng và duy trì văn hoá doanh nghiệp, tìm hiểu các biểu hiện văn hoá trong các hoạt động kinh doanh và các dạng văn hoá doanh nghiệp tiêu biểu.	Trường Kinh tế
50	KT308	Quản trị tài chính	3	Nội dung chính của học phần này bao gồm những vấn đề về quản trị tài chính doanh nghiệp liên quan đến việc ra quyết định đầu tư. Một cách cụ thể, học phần này được cấu trúc thành 7 chương, chủ yếu tập trung vào các vấn đề sau: (1) Báo cáo tài chính và phân tích báo cáo tài chính; (2) Giá trị thời gian của tiền tệ; (3) Lợi nhuận và rủi ro trong đầu tư tài chính; (4) Định giá trái phiếu và cổ phiếu; (5) Chi phí vốn; (6) Phân tích tài chính dự án và ra quyết định đầu tư.	Trường Kinh tế
51	KT425	Anh văn thương mại 1	3	Tài liệu giảng dạy học phần được tuyển chọn từ Giáo trình “ <i>Market Leader</i> ” và một số sách tiếng Anh thương mại khác được biên soạn bởi các tác giả có kinh nghiệm trong biên soạn giáo trình tiếng Anh chuyên ngành kinh tế. Mỗi bài học được thiết kế theo từng bước hướng người học đến từng chủ điểm cụ thể, thông qua kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng phân tích, đánh giá, giải quyết vấn đề sẽ giúp người học tiếp cận và phát triển kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, kinh doanh thương mại, kinh doanh quốc tế, và marketing.	Trường Kinh tế
52	KT217	Marketing thương mại	3	Marketing thương mại cung cấp cho người học những kiến thức quan trọng về hoạt động marketing trong các doanh nghiệp bán buôn, bán lẻ, trong đó tập trung vào việc vận dụng các tham số xúc tiến thương mại nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh cho doanh nghiệp thương mại. Môn học kết hợp lý thuyết của marketing thương mại với các tình huống thực tiễn trong hoạt động thương mại. Sinh viên vừa học lý thuyết vừa thực hành thông qua quan sát, tìm hiểu một số hoạt động marketing thương mại trong thực tế tại một số doanh nghiệp thương mại.	Trường Kinh tế
53	KT349	Quản trị bán hàng	2	Môn học này sẽ giúp sinh viên nắm được kiến thức và trải nghiệm về bán hàng và quản trị bán hàng, các kỹ năng cần thiết để một người trở thành một nhà quản lý bán hàng xuất sắc; xây dựng đội ngũ bán hàng thông thạo và có năng suất; động viên và quản trị lực lượng bán hàng một cách hiệu quả; đánh giá kết quả làm việc của nhân viên. Trong quá trình học, sinh viên sẽ trao đổi và thảo luận, đồng thời giải quyết vấn đề theo tình huống.	Trường Kinh tế
54	KT428	Kỹ thuật đàm phán	2	Kỹ thuật đàm phán nói chung và đàm phán trong kinh doanh nói riêng là học phần được thiết kế dành cho sinh viên các chuyên ngành thuộc khối ngành Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Học phần này nhằm trang bị những kiến thức cần thiết và kỹ năng cơ bản về đàm phán trong kinh doanh, cũng như dựa vào những nguyên tắc để đàm phán hiệu quả. Nội dung chính tập trung vào việc hiểu rõ các	Trường Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				khái niệm cơ bản về đàm phán, tại sao các bên phải thực hiện đàm phán; vai trò của việc chuẩn bị thông tin và các phương pháp tiếp cận trước, trong và sau quá trình đàm phán; hiểu rõ các kỹ năng đàm phán cơ bản như lắng nghe, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi, cách xây dựng vị thế đàm phán và các phương án dự phòng.	
55	KT337	Thương mại điện tử	2	Nội dung của môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về thương mại điện tử, cách thức giao dịch trong thương mại điện tử và một số nghiệp vụ cơ bản trong kinh doanh điện tử.	Trường Kinh tế
56	KT229	Kiến tập ngành Kinh doanh thương mại	2	Học phần kiến tập ngành Kinh doanh thương mại được xây dựng nhằm tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận được thực tiễn quản trị các công ty thương mại. Sinh viên được tham quan các công ty thương mại, siêu thị để tận mắt ‘thấy’ các hoạt động quản trị thương mại trong các công ty. Sinh viên sẽ nghe và trao đổi chuyên môn với những nhà quản trị của các công ty. Từ đó, sinh viên có sự so sánh và bổ sung cho những kiến thức đã được thầy cô giảng dạy tại trường. Kết thúc đợt kiến tập, mỗi sinh viên sẽ viết và trình bày báo cáo kiến tập.	Trường Kinh tế
57	KT285	Seminar Kinh doanh thương mại	2	Seminar Kinh doanh thương mại là học phần cung cấp những kiến thức thực tiễn về kỹ năng quản trị cần thiết cho người làm kinh doanh thương mại trong tương lai. Muốn có các kỹ năng này, sinh viên phải hiểu rõ các lý thuyết cơ bản, đồng thời sinh viên phải phải quan sát, tham gia các buổi chia sẻ kinh nghiệm và trải nghiệm thực tế để tự rút ra các bài học. Môn học này sẽ hướng dẫn cho sinh viên các kỹ thuật làm giảm stress tạm thời, các nguyên tắc của truyền thông hỗ trợ, các chiến lược tạo dựng quyền lực trong tổ chức, các phương pháp giải quyết vấn đề, các phương pháp quản trị xung đột thích hợp và các kỹ năng cơ bản trong làm việc nhóm vào quá trình học tập và làm việc. Môn học này sẽ giúp sinh viên hòa nhập nhanh chóng với môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp và thăng tiến sự nghiệp.	Trường Kinh tế
58	KT429E	Hành vi khách hàng	2	Hành vi tiêu dùng chú trọng đến việc nghiên cứu tâm lý cá nhân, nghiên cứu những niềm tin cốt yếu, những giá trị, những phong tục, tập quán ảnh hưởng đến hành vi con người và những ảnh hưởng lẫn nhau giữa các cá nhân trong quá trình mua sắm tiêu dùng. Một sự hiểu biết về hành vi tiêu dùng cung cấp nền tảng cho những chiến lược marketing, như việc định vị sản phẩm, phân khúc thị trường, phát triển sản phẩm mới, những áp dụng thị trường mới, marketing toàn cầu, những quyết định marketing mix.	Trường Kinh tế
59	KT358E	Quản trị quan hệ khách hàng	2	Học phần quản trị quan hệ khách hàng nhằm phát triển các kiến thức cơ bản về việc tổ chức và điều hành các hoạt động quản trị mối quan hệ với khách hàng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Cụ thể, học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về vai trò và tầm quan trọng của quản trị quan hệ khách hàng, chiến lược quan hệ khách hàng, quản trị xung đột và duy trì sự hài lòng của khách hàng. Học phần cũng cung cấp kiến thức về kiểm tra đánh giá và điều chỉnh hoạt động quản trị quan hệ khách hàng.	Trường Kinh tế
60	KT362	Quản trị thương mại	3	Người học sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh doanh thương mại trong điều kiện nền kinh tế thị	Trường Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				trường; Nghiên cứu đặc điểm, bản chất, môi trường kinh doanh của doanh nghiệp thương mại; Các nội dung cơ bản của hoạt động kinh doanh thương mại bao gồm: cách thức xác định nguồn hàng, quản trị mua hàng ở doanh nghiệp thương mại; Xây dựng kế hoạch dự trữ hàng hoá; Quản trị bán hàng ở doanh nghiệp thương mại; nắm được những dịch vụ khách hàng ở các doanh nghiệp thương mại; Các hoạt động liên quan về xúc tiến thương mại ở doanh nghiệp thương mại. Khi học xong học phần này, sinh viên có thể vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn hoạt động quản trị một đơn vị kinh doanh thương mại cụ thể.	
61	KT482	Quản trị mua hàng và lưu kho	2	Học phần Quản trị mua hàng và lưu kho trang bị cho người học kiến thức về quá trình hoạch định, tổ chức, lãnh đạo điều hành và kiểm soát hoạt động mua hàng của doanh nghiệp thương mại nhằm thực hiện mục tiêu bán hàng một cách hiệu quả. Hoạt động mua hàng và lưu kho tốt không chỉ giúp doanh nghiệp lựa chọn các kênh đầu tư nguồn hàng hợp lý mà còn giúp doanh nghiệp phán đoán thị trường thông qua việc sử dụng các kết quả phân tích các yếu tố trong quản lý cung ứng như: đánh giá môi trường chung hiện tại và tương lai; thực trạng về cung cầu hàng hoá đó trên thị trường; cung cầu thị trường của sản phẩm; giá cả hiện hành và dự báo; thời hạn giao hàng và các điều kiện, điều khoản; tình hình tài chính; lãi suất trong nước và ngoài; chi phí lưu kho,...Tổ chức tốt việc mua hàng giúp doanh nghiệp đạt được lợi ích một cách tối ưu.	Trường Kinh tế
62	KT230	Quản trị chuỗi cung ứng	2	Môn học Quản Trị Chuỗi Cung Ứng nhằm trang bị cho học viên những khái niệm, vai trò, cấu trúc chuỗi cung ứng; trang bị cho học viên kiến thức cơ bản về quản lý chuỗi cung ứng bao gồm quản trị tồn kho, quản trị vận chuyển, các mối quan hệ hậu cần, nhà cung ứng và các dịch vụ của bên thứ ba. Môn học cung cấp các mô hình tính toán chi phí và ra quyết định lưu kho hợp lý và giúp phân tích và lựa chọn các phương thức vận chuyển và dịch vụ hậu cần bên thứ ba phù hợp. Người học nhận thức được vai trò của thông tin trong quản lý chuỗi cung ứng và lựa chọn được hệ thống thông tin phù hợp cho mục đích quản lý. Môn học giúp đánh giá hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng dựa trên mô hình tham khảo các hoạt động chuỗi cung ứng (SCOR) từ đó làm cơ sở đưa ra những thay đổi phù hợp để nâng cao hiệu quả hoạt động nhằm áp dụng vào thực tế doanh nghiệp.	Trường Kinh tế
63	KT207	Mô phỏng tình huống kinh doanh	3	Học phần Mô phỏng tình huống kinh doanh được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức/kỹ năng điều hành/quản trị một công ty/doanh nghiệp vận hành trong thị trường cạnh tranh. Nội dung của học phần là giúp cho sinh viên biết vận dụng tổng hợp các kiến thức về quản trị học, quản trị chiến lược, quản trị marketing, quản trị sản xuất, quản trị doanh nghiệp, quản trị tài chính, quản trị nhân sự, kế toán quản trị vào việc đưa ra các quyết định kinh doanh. Với phương pháp “ <i>học bằng cách làm</i> ” người học cũng hình thành được kỹ năng xây dựng chiến lược và lập kế hoạch kinh doanh cho công ty/doanh nghiệp.	Trường Kinh tế
64	KT329E	Thị trường chứng khoán	3	Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán, các loại hàng hóa trên thị trường chứng khoán, các tổ chức liên quan đến sự vận hành	Trường Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				của thị trường chứng khoán và cách thức tiến hành giao dịch trên thị trường chứng khoán chính thức, đồng thời hướng dẫn sinh viên những phương pháp định giá chứng khoán cơ bản.	
65	KT330	Thuế	3	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chung về Thuế, các yếu tố cấu thành Luật Thuế; nội dung và cách tính toán các loại Thuế hiện hành trong hệ thống Thuế tại Việt Nam: Giá trị gia tăng, Tiêu thụ đặc biệt, Xuất nhập khẩu, Bảo vệ môi trường, Tài nguyên, Thu nhập doanh nghiệp, Thu nhập cá nhân và công tác quản lý Thuế tại Việt Nam.	Trường Kinh tế
66	KT316	Kinh doanh quốc tế	3	Học phần này cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng phân tích về đặc điểm chiến lược kinh doanh quốc tế của các công ty, môi trường vĩ mô, vi mô trong chiến lược kinh doanh quốc tế. Thêm vào đó, ảnh hưởng của môi trường văn hóa, thể chế, đạo đức đến chiến lược kinh doanh quốc tế cũng được tìm hiểu trong học phần này. Đồng thời, đặc điểm và hình thức gia nhập thị trường nước ngoài của công ty được nghiên cứu trong học phần này.	Trường Kinh tế
67	KT345	Quản trị chất lượng sản phẩm	2	Nội dung học phần bao gồm 1) Một số vấn đề về quản trị chất lượng, phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những khái niệm và kiến thức cơ bản về quản trị chất lượng; 2) Các công cụ kiểm soát chất lượng bằng thống kê, trong phần 2 này sinh viên sẽ đi sâu vào ứng dụng của các công cụ kiểm soát chất lượng bằng thống kê được áp dụng trong doanh nghiệp; 3) Hệ thống quản lý chất lượng, nội dung này sẽ trình bày một số hệ thống quản lý chất lượng phổ biến hiện nay.	Trường Kinh tế
68	KT346	Quản trị chiến lược	3	Học phần Quản Trị Chiến Lược cung cấp những kiến thức cơ bản và có hệ thống về Quản trị chiến lược, giúp cho người học có thể phân tích, đánh giá và đưa ra những giải pháp cho các vấn đề chiến lược trong doanh nghiệp, giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng nó trong thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Những nội dung chủ yếu bao gồm: Những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược; Mục tiêu sứ mạng của doanh nghiệp; Mô hình quản trị chiến lược của doanh nghiệp (hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm soát, điều chỉnh chiến lược của doanh nghiệp trên cơ sở phân tích về môi trường kinh doanh bên ngoài và bên trong của doanh nghiệp); Các chiến lược kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp; Các chiến lược cạnh tranh và chiến lược trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.	Trường Kinh tế
69	KT200E	Digital Marketing	2	Marketing kỹ thuật số là môn học trang bị kiến thức cũng như kỹ năng cần thiết để sinh viên có thể sử dụng một cách hiệu quả các công cụ marketing ứng dụng kỹ thuật số, Marketing trực tuyến, website, các kênh quảng cáo trực tuyến, mạng xã hội Facebook, Blog, Email Marketing, PR trực tuyến....thông qua các thiết bị điện tử thông minh. Từ đó giúp sinh viên lập kế hoạch Marketing trực tuyến, triển khai thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch này.	Trường Kinh tế
70	KT220	Quan hệ công chúng	2	Học phần giới thiệu hệ thống kiến thức cơ bản của lĩnh vực PR; đưa ra các định nghĩa về PR; phân biệt PR với một số hình thức truyền thông khác, trình bày phương pháp lập kế	Trường Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				hoạch truyền thông mang tính chiến lược; cung cấp cái nhìn tổng quát về vai trò, nhiệm vụ và nguyên tắc của PR trong quan hệ với báo chí, PR nội bộ, PR cộng đồng; cũng như đề cập đến sự cần thiết phải hiểu pháp luật của những người làm PR. Bên cạnh đó, học phần còn giúp sinh viên biết rõ quy trình và cách thức lập một kế hoạch PR đối nội và đối ngoại, cách đánh giá kế hoạch PR, quan hệ với tổ chức Chính Phủ và PR trong tổ chức Phi Chính Phủ, và các vấn đề khác trong PR như xử lý khủng hoảng, sử dụng mạng xã hội để PR	
71	KT204	Quản trị nguồn nhân lực	3	Thông qua nội dung môn học, người học hiểu được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong tổ chức, từ đó, sinh viên học được những phương pháp cụ thể để duy trì và sử dụng nguồn nhân lực trong tổ chức như lập kế hoạch, phân tích công việc, tuyển dụng, đào tạo, đánh giá, động viên và trả công lao động như thế nào cho phù hợp	Trường Kinh tế
72	KT254	Khởi sự doanh nghiệp	3	Khóa học này cung cấp cho sinh viên kinh tế và kinh doanh tinh thần khởi nghiệp kinh doanh để trở thành doanh nhân. Nội dung học phần gồm 10 chương cung cấp cho sinh viên các kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu về lập kế hoạch kinh doanh bao gồm kế hoạch Marketing, kế hoạch sản xuất, kế hoạch nhân sự, và kế hoạch tài chính. Quan trọng hơn, giáo dục khởi nghiệp không chỉ có thực tiễn mà đòi hỏi người khởi nghiệp phải có kiến thức và tư duy khởi nghiệp. Sinh viên sẽ được giới thiệu các lý thuyết, phương pháp, kiến thức, và kỹ năng cần thiết để trở thành doanh nhân. Sử dụng các bài tập tình huống ở cuối mỗi chương, sinh viên có cơ hội vận dụng kiến thức vào phân tích các nội dung đã học, đồng thời vận dụng kiến thức để lập và viết đề án khởi nghiệp kinh doanh cho bản thân.	Trường Kinh tế
73	KT222	Phân tích báo cáo tài chính	2	Học phần phân tích Báo cáo Tài chính bao gồm các nội dung: Tổng quan về Báo cáo Tài chính và phân tích Báo cáo Tài chính, đọc nhanh và phân tích tổng quát Báo cáo Tài chính dựa trên các thủ tục phân tích, phân tích các tỷ số tài chính và phân tích dòng tiền trong doanh nghiệp.	Trường Kinh tế
74	KT400	Luận văn tốt nghiệp - KDTM	10	Luận văn tốt nghiệp là một công trình nghiên cứu khoa học quan trọng của sinh viên, nhằm đánh giá khả năng vận dụng tổng hợp những kiến thức chuyên môn đã tiếp thu từ các học phần thuộc Chương trình đào tạo để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn các hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị đặt ra. Kết hợp với sự hiểu biết về phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh, người học được yêu cầu tự chọn cho bản thân một vấn đề nghiên cứu phù hợp, xây dựng và thực hiện quy trình nghiên cứu, trình bày kết quả nghiên cứu dưới dạng một báo cáo khoa học và thực hiện trao đổi kết quả nghiên cứu tại các buổi sinh hoạt học thuật và bảo vệ trước hội đồng đánh giá.	Trường Kinh tế
75	KT295E	Tiểu luận tốt nghiệp - KDTM	4	Tham gia học phần này, sinh viên sẽ nắm vững được cách hệ thống hóa được các kiến thức chuyên ngành đã học được từ các học phần và từ các nghiên cứu khoa học đã được thực hiện có liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ biết cách xác định được vấn đề cần nghiên cứu từ trong thực tiễn hoạt động kinh doanh thương mại tại	Trường Kinh tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				cơ sở sinh viên thực tập hoặc bên ngoài cơ sở thực tập. Ngoài ra, sinh viên sẽ biết cách vận dụng các lý thuyết và thông tin phù hợp để giải quyết được vấn đề cần tìm câu trả lời. Đồng thời, sinh viên sẽ nắm được cách tự trình bày được một báo cáo nghiên cứu khoa học hoàn chỉnh.	
76	KT285E	Dự báo kinh tế	3	Học phần cung cấp cho sinh viên các kỹ thuật dự báo cơ bản phục vụ cho công tác dự báo vĩ mô và vi mô. Học phần trình bày các phương pháp/mô hình dự báo định lượng và định tính dựa trên số liệu sẵn có.	Trường Kinh tế
77	KT361	Quản trị thương hiệu	3	Môn học gồm 5 chương sẽ giới thiệu khái quát kiến thức tổng quan về thương hiệu và công tác quản trị thương hiệu. Sinh viên sẽ được tìm hiểu các nội dung trong hoạt động xây dựng thương hiệu, đăng ký bảo hộ, phát triển và khai thác thương hiệu. Dựa trên kiến thức đã được trang bị, sinh viên sẽ ứng dụng vào thực tế nhằm phân tích và đề xuất chiến lược quản trị thương hiệu cho một thương hiệu cụ thể trên thị trường.	Trường Kinh tế
78	KT287E	Quản trị liên văn hóa	2	Học phần Quản trị liên văn hoá được thiết kế nhằm giúp người học nâng cao năng lực quản trị và ứng xử trong môi trường làm việc đa văn hoá. Trong môi trường kinh doanh toàn cầu ngày nay đòi hỏi nhà quản trị cần nhận thức và giải quyết được những vấn đề phải thường xuyên đối mặt do sự khác biệt trong thái độ, giá trị và hành vi của con người giữa các nền văn hoá khác nhau. Vì vậy, học phần sẽ cung cấp những chìa khoá quan trọng nhất để giúp người học làm chủ và giải quyết được các vấn đề do khác biệt về văn hoá mang lại. Người học có thể xác định các đặc trưng văn hoá của mình và qua đó tìm hiểu và đánh giá các nền văn hoá khác để có thể có những biện pháp thích hợp khi phải đối đầu với những nền văn hoá khác.	Trường Kinh tế
79	KT486	Lập kế hoạch kinh doanh	2	Thông qua nội dung môn học, người học hiểu được tầm quan trọng của việc lập kế hoạch kinh doanh bao gồm việc phân tích môi trường kinh doanh để xác định chiến lược kinh doanh, mục tiêu của doanh nghiệp, từ đó hình thành các kế hoạch chi tiết từng bộ phận như kế hoạch bán hàng, sản xuất, marketing, nhân sự, tài chính và kế hoạch rủi ro. Với nội dung học phần như trên giúp cho sinh viên có kiến thức và tổng hợp được lý thuyết về việc lập kế hoạch ở các bộ phận khác nhau của doanh nghiệp, từ đó lập được một kế hoạch chung tổng quát và chi tiết cho cả doanh nghiệp.	Trường Kinh tế

Đề cương chi tiết các học phần được đính kèm ở phần Phụ lục.

5. Phương pháp giảng dạy và học tập

Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá kiến thức, khả năng nhận thức và khả năng kiến tạo ra kiến thức mới của người học. Tùy thuộc vào đặc trưng của từng ngành học, nội dung từng học phần, mà giảng viên sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp dạy học khác nhau. Đối với hình thức tổ chức dạy học có thể gồm những hình thức như: dạy trực tiếp trên lớp học hay ngoài cộng đồng (tại những cơ sở sản xuất, kinh doanh, nông trại,...) hoặc dạy học trực tuyến. Đối với phương pháp dạy và học, giảng viên thường sử dụng độc lập hoặc kết hợp nhiều phương pháp dạy học đa dạng như sau: phương pháp quan sát, phương pháp trải nghiệm thực tế, phương pháp học qua dự án, phương pháp nghiên cứu trường hợp, phương pháp học qua tình huống, phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp thuyết trình, phương pháp tra cứu, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp diễn giảng, đàm thoại gợi mở, minh họa thực hành, trò chơi, tự học độc lập,...

6. Phương pháp đánh giá

- Phương pháp đánh giá lựa chọn phù hợp với nội dung học phần và phù hợp với phương pháp dạy và học đồng thời đảm bảo đo được chuẩn đầu ra mà chương trình đào tạo mong muốn người học đạt được. Có hai hình thức đánh giá người học được giảng viên sử dụng phổ biến trong quá trình đào tạo là đánh giá thường xuyên (đánh giá liên tục trong suốt tiến trình đào tạo) và đánh giá tổng hợp thực hiện định kỳ vào giữa và cuối các tiến trình học tập (ví dụ như đánh giá giữa học kỳ và đánh giá cuối học kỳ). Các phương pháp đánh giá trực tiếp và gián tiếp thông qua: trắc nghiệm, tự luận, bài kiểm tra ngắn, câu trả lời ngắn, ý kiến thảo luận, sản phẩm của nhóm, bài thuyết trình, hình vẽ, sơ đồ, bài viết, nhật ký học tập, kiểm tra thực hành, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, vấn đáp, báo cáo, tiểu luận tốt nghiệp, luận văn tốt nghiệp...

- Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

Cần Thơ, ngày 22 tháng 8.. năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG KINH TẾ



Lê Khương Ninh

TRƯỞNG KHOA



Lê Tân Nghiênn

PHỤ LỤC
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN